TÒA ÁN NHÂN DÂN **Q. THANH KHÊ - TP. ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2023/HNGĐ-ST
Ngày 11 - 5 - 2023
V/v *"Ly hôn, tranh chấp nuôi con"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THANH KHÊ - TP ĐÀ NẴNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Diệp

- *Các hội thẩm nhân dân:* Ông Trần Trung Nam

Bà Lê Thị Tuyết Vân

- ***Thư ký phiên toà:*** Bà Nguyễn Thị Cẩm Anh - Thư ký Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa:*** Bà Lê Thị Minh Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thanh Khê xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 18/2023/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 01 năm 2023 về việc *"Ly hôn, tranh chấp nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2023/QĐXXST-DS ngày 28/4/2023 giữa các đương sự:

**** Nguyên đơn:*** Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1969, trú tại: KX đường D, Tổ Y phường T, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

**** Bị đơn:*** Ông Nguyễn Công M, sinh năm: 1964, địa chỉ: KX đường D, Tổ Y, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng. Địa chỉ liên lạc: Khu Z xã C, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ. Xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo Đơn khởi kiện, Văn bản trình bày ý kiến ngày 11/01/2023, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:***

- Về quan hệ hôn nhân:

Bà và ông Nguyễn Công M tự nguyện kết hôn với nhau vào ngày 06/9/2002, có đăng ký kết hôn tại UBND phường T1 (nay là phường T), quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

Sau khi kết hôn, vợ chồng bà chung sống hạnh phúc, hòa thuận tại KX đường D, Tổ Y, quận Thanh Khê. Đến năm 2006-2007 vợ chồng bà phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã do ông M có người phụ nữ khác. Vợ chồng bà đã nhiều lần tự hòa giải nhưng đến nay vẫn không tìm được tiếng nói chung, mâu thuẫn kéo dài. Hiện nay, cả hai không còn tình cảm trách nhiệm gì với nhau, hôn nhân đến mức bế tắc vì không thể cảm thông, chia sẻ, tôn trong lẫn nhau khiến bầu

không khí gia đình nặng nề, ảnh hưởng trực tiếp đến tâm lý con chung. Vì vậy, bà thấy hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích đã không tồn tại trên thực tế nên yêu cầu Toà án cho bà ly hôn với ông Nguyễn Công M.

- Về con chung: Bà xác nhận có 01 con chung với ông Nguyễn Công M là Nguyễn Công H, sinh ngày 05/8/2005. Ly hôn, bà có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Công H cho đến khi con chung đủ 18 tuổi và ông M không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà xác định bà và ông Nguyễn Công M không có.

**** Theo Bản tự khai, Đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt ngày 18/4/2023, bị đơn ông Nguyễn Công M trình bày:***

Ông và bà Nguyễn Thị T tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND phường T1 (nay là phường T), quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung ông chung sống hạnh phúc, hòa thuận tại KX đường D, Tổ Y, quận Thanh Khê,. Đến năm 2006 - 2007, vợ chồng ông thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, lối sống, cuộc sống hôn nhân không hòa hợp, hạnh phúc; ông đã ly thân với bà Nguyễn Thị T. Nay, ông thấy vợ chồng không còn tình cảm gì với nhau nữa, nên ông đồng ý ly hôn với bà Nguyễn Thị T.

Về con chung: Ông xác nhận có với bà Nguyễn Thị T 01 con chung là Nguyễn Công H, sinh ngày 05/8/2005. Ly hôn, ông đồng ý bà T trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Công H cho đến khi con chung đủ 18 tuổi và ông không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Vì từ khi ly thân với bà T thì cháu H sinh sống với bà T và mọi việc học hành do bà Nguyễn Thị T chăm lo.

- Về tài sản chung, nợ chung: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng phát biểu ý kiến như sau:

+ Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

+ Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56, 58, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T về việc *"Ly hôn, tranh chấp nuôi con"* đối với ông Nguyễn Công M.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị T được ly hôn với ông Nguyễn Công M.

Về con chung: Giao con chung 01 con chung Nguyễn Công H, sinh ngày 05/8/2005 cho bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi và ông M không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Công M không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, phát biểu của Kiểm sát viên, sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng thụ lý và giải quyết đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị T về việc *"Ly hôn, tranh chấp nuôi con"* với ông Nguyễn Công M là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Công M kết hôn và có đăng ký kết hôn tại UBND phường T1 (nay là phường T), quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng ngày 06/9/2002; đây là hôn nhân tự nguyện và đảm bảo các quy định của Luật Hôn nhân và gia đình nên được thừa nhận và bảo vệ.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc, hòa thuận tại KX đường D, Tổ Y, quận Thanh Khê. Đến năm 2006-2007 vợ chồng bà phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã do ông M có người phụ nữ khác. cuộc sống hôn nhân không hòa hợp, hạnh phúc.

Theo Biên bản xác minh ngày 10/4/2023 tại Tổ Dân phố X phường T, quận Thanh Khê thì bà T và ông M có hộ khẩu thường trú tại phường T, quận Thanh Khê; bà T và ông M mâu thuẫn, cãi vã nên đã sống ly thân. Hội đồng xét xử thấy rằng, hiện vợ chồng bà T và ông M sống ly thân, tình trạng hôn nhân đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được và bà T giữ nguyên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà T được ly hôn với ông M và ông M cũng đồng ý ly hôn với bà T nhưng do điều kiện bị bệnh phải thường xuyên điều trị tại Bệnh viện, không thể tham gia tại Tòa án được. Vì vậy, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T về việc ly hôn với ông Nguyễn Công M là có cơ sở được chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Công M có 01 con chung Nguyễn Công H, sinh ngày 05/8/2005. Ly hôn, bà T yêu cầu trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Nguyễn Công H. Hội đồng xét xử xét thấy: Từ khi bà T và ông M sống ly thân thì cháu H sinh sống cùng bà T và ông M cũng đồng ý bà T chăm sóc nuôi dưỡng cháu H; cháu H có nguyện vọng ở với mẹ. Như vậy, việc giao con chung cho bà T đảm bảo, hợp lý và không nên xáo trộn cuộc sống, học tập của cháu H. Do đó, yêu cầu của bà T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Nguyễn Công H đến khi con chung đủ 18 tuổi và ông M không phải cấp dưỡng nuôi con là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Công M không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Án phí ly hôn sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị T phải chịu theo quy định của pháp luật.

[4] Theo những nhận định như trên Hội đồng xét xử chấp nhận quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê tại phiên tòa.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 51, 56, 58, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Điều 147, 227 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T về việc "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con"* đối với ông Nguyễn Công M.

2. Xử:

* Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị T được ly hôn với ông Nguyễn Công M.

* Về con chung: Giao 01 con chung Nguyễn Công H, sinh ngày 05/8/2005 cho bà Nguyễn Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi và ông M không phải cấp dưỡng nuôi con.

Quyền và nghĩa vụ đối với con chung, các đương sự được thực hiện theo quy định của pháp luật. Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền con được sống chung với người trực tiếp nuôi. Không bên nào được ngăn cản quyền gặp gỡ, thăm và chăm sóc con chung. Vì lợi ích mọi mặt của con khi cần thiết có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Công M không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về án phí:

Án phí ly hôn sơ thẩm 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) bà Nguyễn Thị T phải chịu, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0008728 ngày 31/01/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng. Bà T đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

4. Án xử công khai, nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, ngày 11/5/2023; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND quận Thanh Khê;
- Chi cục THADS quận Thanh Khê;
- UBND phường T, quận Thanh Khê;
(Giấy CNKH số X12 ngày 06/9/2002)
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Diệp